

Số: 48 /CT-INC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Về việc công bố thông tin BCTC
kiểm toán năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO**
- Mã chứng khoán: **INC**
- Địa chỉ trụ sở: Số 100 Đường Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0283 8995588 Fax: 0283 8995588
- Người thực hiện công bố thông tin: **Lại Văn Hoàn** - Chức vụ: Kế toán trưởng
- Loại công bố thông tin: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:

+ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày ngày 07/3/2024.

+ Nội dung giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2023 biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2022.

- Thông tin trên được đăng tải tại Website: idico-incon.com.vn (mục quan hệ cổ đông)

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCKT, HCNS.

**NGƯỜI UỶ QUYỀN CBTT
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Lại Văn Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022 là 20.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là INC.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Hà Huy Thanh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 20/4/2023)
Bà Bùi Thị Kim Thoa	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 20/4/2023)

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng ban
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm lại ngày 18/4/2023)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, *JMM*



Nguyễn Ngọc Khánh

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Số: 76/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO, được lập ngày 07/3/2024, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trọng Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy ủy quyền số 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2024*

Đàm Tuấn Anh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		30.823.138.059	29.451.726.789
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.094.228.807	2.613.255.794
1. Tiền	111		3.094.228.807	613.255.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.574.193.068	12.210.613.332
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.295.294.288	12.926.601.552
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		420.320.000	248.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	405.336.572	478.069.572
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(1.546.757.792)	(1.442.057.792)
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	14.126.527.927	14.595.168.268
1. Hàng tồn kho	141		14.126.527.927	14.595.168.268
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		28.188.257	32.689.395
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	28.188.257	32.689.395
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		6.265.646.685	6.885.770.865
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		6.261.176.987	6.827.664.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3.872.122.987	4.438.610.805
- Nguyên giá	222		8.435.694.691	8.435.694.691
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.563.571.704)	(3.997.083.886)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	2.389.054.000	2.389.054.000
- Nguyên giá	228		4.865.783.400	4.865.783.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.476.729.400)	(2.476.729.400)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		4.469.698	58.106.060
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	4.469.698	58.106.060
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		37.088.784.744	36.337.497.654

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		12.710.358.682	10.845.419.188
I- Nợ ngắn hạn	310		12.710.358.682	10.845.419.188
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.112.948.032	2.733.105.904
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.620.445.773	3.335.841.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	830.295.576	916.556.487
4. Phải trả người lao động	314		977.811.000	958.707.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		63.636.364	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	3.834.594.587	2.285.691.337
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		270.627.350	615.517.327
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		24.378.426.062	25.492.078.466
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	24.378.426.062	25.492.078.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		248.050.000	248.050.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.130.376.062	5.244.028.466
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.114.028.466	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.016.347.596	5.244.028.466
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		37.088.784.744	36.337.497.654

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	24.666.620.987	27.095.221.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		24.666.620.987	27.095.221.462
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	17.275.083.873	17.880.126.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.391.537.114	9.215.095.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	63.610.300	99.718.902
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	4.997.160.654	5.985.772.514
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.457.986.760	3.329.041.642
11. Thu nhập khác	31		68.145.831	45.454.545
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	68.145.831	45.454.545
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.526.132.591	3.374.496.187
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	509.784.995	690.959.238
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.016.347.596	2.683.536.949
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.008	1.277

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.526.132.591	3.374.496.187
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		566.487.818	568.472.000
- Các khoản dự phòng	03		104.700.000	(102.331.466)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(63.610.300)	(145.173.447)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		3.133.710.109	3.695.463.274
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.468.279.736)	(4.510.937.974)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		468.640.341	1.327.166.522
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		506.444.908	1.081.887.188
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		58.137.500	41.098.107
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(540.366.682)	(743.878.156)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(474.889.977)	(1.353.818.689)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		1.683.396.463	(463.019.728)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(120.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	45.454.545
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.610.300	99.718.902
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		63.610.300	25.173.447
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.266.033.750)	(2.190.198.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(1.266.033.750)	(2.190.198.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		480.973.013	(2.628.045.031)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.613.255.794	5.241.300.825
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	3.094.228.807	2.613.255.794

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO (IDICO - INCON) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn đầu tư IDICO theo Quyết định số 1423/QĐ-BXD ngày 13/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2007 và thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304843611 thay đổi lần thứ 11 ngày 18/3/2022 là 20.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: IDICO Investment Consultancy Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: IDICO - INCON.

Cổ phiếu của Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là INC.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 49 người (tại ngày 31/12/2022 là 52 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty:

- Tư vấn quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp;
- Tư vấn đấu thầu về xây lắp, cung cấp vật tư và mua sắm máy móc thiết bị;
- Lập và thẩm tra dự án đầu tư xây dựng, thẩm tra thiết kế, dự toán và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, nông nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế công trình kỹ thuật và đô thị;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng công trình;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình;
- Khảo sát địa hình, khảo sát địa chất;
- Thiết kế kết cấu công trình giao thông;
- Giám sát thi công công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Thẩm tra an toàn giao thông đường bộ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Lập báo cáo đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi và khả thi): giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, thoát nước, môi trường đô thị và khu công nghiệp);
- Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình dân dụng và giao thông;
- Xây dựng công trình dân dụng khác. Chi tiết:
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc các dự án thử nghiệm công nghệ mới hoặc thuộc các đề tài nghiên cứu khoa học, cải tạo, duy tu, trùng tu các công trình văn hóa và bảo tồn lịch sử;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, giao thông, nông nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn, thiết kế, giám sát thi công công trình.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao (Số năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính, và giá trị thương hiệu được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy tính được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thương hiệu được tính hao mòn trong thời gian 10 năm, kể từ năm 2007. Việc ghi nhận trên có khác biệt so với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn tại Số 100, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá ban đầu là 2.389.054.000 đồng. Tài sản cố định là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 5 năm đến 8 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí sửa chữa văn phòng Công ty.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả là chi phí liên quan đến các gói thầu tư vấn lập dự toán xây dựng các Công trình của nhà thầu phụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ thiết kế, tư vấn, giám sát thi công công trình.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Trong năm, Công ty chỉ hoạt động thiết kế, giám sát, khảo sát thiết kế, khảo sát thi công, lập Báo cáo, dự án tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	561.685	109.112.427
Tiền gửi ngân hàng	3.093.667.122	504.143.367
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Tổng	3.094.228.807	2.613.255.794

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tổng Công ty IDICO - CTCP	2.423.800.603	3.081.132.882
Công ty TNHH Đầu Tư Quốc lộ 1 Tiền Giang	1.070.838.515	1.308.211.699
Công ty Cổ phần Đầu tư và du lịch Bình Tiên	7.984.780.283	4.917.567.722
Trường Đại học cảnh sát nhân dân	60.607.000	60.607.000
Phải thu đối tượng khác	2.755.267.887	3.559.082.249
Tổng	14.295.294.288	12.926.601.552
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>2.689.814.767</i>	<i>4.610.949.526</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	46.267.000	-	119.000.000	-
Nguyễn Phi Hùng	97.921.415	(97.921.415)	97.921.415	(97.921.415)
Nguyễn Trúc Nghĩa	261.148.157	(261.148.157)	261.148.157	(261.148.157)
Tổng	405.336.572	(359.069.572)	478.069.572	(359.069.572)

5.4 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang	1.070.838.515	296.457.295	1.308.211.699	533.830.479
Nguyễn Trúc Nghĩa	261.148.157	-	261.148.157	-
Nguyễn Phi Hùng	97.921.415	-	97.921.415	-
Đinh Thị Liên	220.000.000	-	220.000.000	-
Các khách hàng khác	193.307.000	-	88.607.000	-
Tổng	1.843.215.087	296.457.295	1.975.888.271	533.830.479

Trong đó:

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên
Công ty TNHH Đầu tư QL1 Tiền Giang				1.070.838.515
Nguyễn Trúc Nghĩa				261.148.157
Nguyễn Phi Hùng				97.921.415
Đinh Thị Liên				220.000.000
Các khách hàng khác				193.307.000
Tổng				1.843.215.087

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.968.198	-	13.160.898	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	14.110.559.729	-	14.582.007.370	-
Tổng	14.126.527.927	-	14.595.168.268	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí của các hợp đồng tư vấn (khảo sát, giám sát lập dự án đầu tư, thiết kế, lập quy hoạch) đang thực hiện và đang chờ quyết toán từ chủ đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	4.927.824.662	636.632.868	2.529.416.700	341.820.461	8.435.694.691
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	4.927.824.662	636.632.868	2.529.416.700	341.820.461	8.435.694.691
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.330.506.972	528.632.868	1.829.361.403	308.582.643	3.997.083.886
Tăng trong năm	197.112.000	24.000.000	316.176.000	29.199.818	566.487.818
Khấu hao trong năm	197.112.000	24.000.000	316.176.000	29.199.818	566.487.818
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	1.527.618.972	552.632.868	2.145.537.403	337.782.461	4.563.571.704
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	3.597.317.690	108.000.000	700.055.297	33.237.818	4.438.610.805
Tại ngày 31/12/2023	3.400.205.690	84.000.000	383.879.297	4.038.000	3.872.122.987

- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 342.922.279 VND (tại ngày 31/12/2022 là: 940.216.097 VND).

- Nguyên giá của TSCĐ chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 251.000.000 VND (ngày 31/12/2022 0 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 3.400.205.690 VND (tại ngày 31/12/2022 là 3.597.317.689 VND). Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2023/3158000/HĐTĐ ngày 20/12/2023, có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	2.389.054.000	476.729.400	2.000.000.000	4.865.783.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2023	-	476.729.400	2.000.000.000	2.476.729.400
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	-	476.729.400	2.000.000.000	2.476.729.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	2.389.054.000	-	-	2.389.054.000
Tại ngày 31/12/2023	2.389.054.000	-	-	2.389.054.000

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 với giá trị là 2.057.000.000 VND (tại ngày 31/12/2022 là: 2.476.729.400 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31/12/2023: 419.729.400 VND (tại ngày 31/12/2022: 0 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 2.389.054.000 VND (tại ngày 31/12/2022 là 2.389.054.000 VND). Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có số dư vay phải trả, tuy nhiên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh vẫn giữ hồ sơ tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho dịch vụ phát hành chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc đảm bảo cho các khoản vay phát sinh trong tương lai theo hợp đồng hạn mức số 01/2023/3158000/HĐTD ngày 20/12/2023, có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức.

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	28.188.257	32.689.395
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.188.257	32.689.395
Dài hạn	4.469.698	58.106.060
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.469.698	58.106.060
Tổng	32.657.955	90.795.455

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần thiết kế và Xây dựng Rạng Đông	2.052.681.818	2.052.681.818	2.052.681.818	2.052.681.818
Công ty TNHH MTV TMDV đo đạc địa chất Quyển Lâm	1.211.319.040	1.211.319.040	-	-
Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế đầu tư XD Gia Phát	-	-	421.513.636	421.513.636
Các đối tượng khác	848.947.174	848.947.174	258.910.450	258.910.450
Tổng	4.112.948.032	4.112.948.032	2.733.105.904	2.733.105.904

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng công ty IDICO -CTCP	466.905.773	1.126.605.733
Công ty cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An	722.000.000	552.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư KCN Hoàng Thành Du Long	199.719.000	407.467.000
Công ty cổ phần KCN Thành Thành Công	59.808.000	59.808.000
Các đối tượng khác	1.172.013.000	1.189.960.400
Tổng	2.620.445.773	3.335.841.133
<i>Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh 7.2)</i>	<i>982.426.773</i>	<i>1.365.975.733</i>

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2023 VND
Phải nộp	916.556.487	2.629.687.175	2.715.948.086	830.295.576
Thuế giá trị gia tăng	570.161.192	1.682.558.014	1.716.950.038	535.769.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.404.595	509.784.995	540.366.682	170.822.908
Thuế thu nhập cá nhân	144.990.700	434.344.166	455.631.366	123.703.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	89.510.000	86.006.000
Bảo hiểm xã hội	397.000	485.500
Bảo hiểm y tế	156.000	447.000
Bảo hiểm thất nghiệp	555.000	560.000
Cổ tức phải trả	3.743.059.587	2.009.093.337
Phải trả nhân viên về chi phí dự án	-	169.099.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	917.000	20.000.000
Tổng	3.834.594.587	2.285.691.337
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>3.504.000.000</i>	<i>1.812.000.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	
					chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	20.000.000.000	248.050.000	1.445.581.609	1.642.651.577	2.602.376.331	25.938.659.517
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.683.536.949	2.683.536.949
Tăng LNST từ vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	1.445.581.609	1.445.581.609
Tăng LNST từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.642.651.577	1.642.651.577
Chuyển vốn khác sang LNST	-	-	(1.445.581.609)	-	-	(1.445.581.609)
Chuyển Quỹ đầu tư phát triển sang LNST	-	-	-	(1.642.651.577)	-	(1.642.651.577)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(130.118.000)	(130.118.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	20.000.000.000	248.050.000	-	-	5.244.028.466	25.492.078.466
Số dư tại ngày 01/01/2023	20.000.000.000	248.050.000	-	-	5.244.028.466	25.492.078.466
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.016.347.596	2.016.347.596
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(130.000.000)	(130.000.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	20.000.000.000	248.050.000	-	-	4.130.376.062	24.378.426.062

(i) Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/NQ-CT ngày 20/4/2023 của Đại hội Đồng cổ đông thường niên như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2022: 130.000.000 VND.

- Chia cổ tức 15% trên vốn điều lệ với giá trị 3.000.000.000 VND. Theo thông báo số 259/TB-INC ngày 20/10/2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2023 (VND)			Tại ngày 01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá
Tổng công ty IDICO - CTCP	70,40%	1.408.000	14.080.000.000	70,40%	1.408.000	14.080.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	5,06%	101.200	1.012.000.000	5,06%	101.200	1.012.000.000
Kian Soon	7,94%	158.800	1.588.000.000	7,38%	147.600	1.476.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	16,60%	332.000	3.320.000.000	17,16%	343.200	3.432.000.000
Tổng	100%	2.000.000	20.000.000.000	100%	2.000.000	20.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức đã chia	3.000.000.000	3.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nợ phải thu khó đòi đã xử lý (i)		
BQL DA ĐTXD công trình DD & CN tỉnh Hậu Giang	158.617.000	158.617.000
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí	219.365.100	219.365.100
Công ty CP ĐTXD và Du lịch IDICO	213.052.000	213.052.000
Viện Thiết kế Trường học	5.234.000	5.234.000
Tổng	596.268.100	596.268.100

(i) Đây là các đối tượng đã thực hiện xóa nợ tại ngày 23/11/2020 theo Quyết định số 556/QĐ-CT ngày 23/11/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.666.620.987	27.095.221.462
Tổng	24.666.620.987	27.095.221.462
<i>Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>11.912.306.264</i>	<i>14.585.147.078</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.275.083.873	17.880.126.208
Tổng	17.275.083.873	17.880.126.208

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	63.610.300	99.718.902
Tổng	63.610.300	99.718.902

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.396.344.000	4.279.227.526
Chi phí khấu hao TSCĐ	566.487.818	648.797.380
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	104.700.000	(102.331.466)
Chi phí bằng tiền khác	926.628.836	1.160.079.074
Tổng	4.997.160.654	5.985.772.514

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	45.454.545
Các khoản khác	68.145.831	-
Tổng	68.145.831	45.454.545
<i>Chi phí khác</i>		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	68.145.831	45.454.545

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	516.268.200	305.658.200
Chi phí nhân công	14.938.659.000	15.128.240.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	566.487.818	648.797.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.745.053.032	5.420.193.404
Chi phí khác bằng tiền	929.629.536	1.160.079.074
Tổng	21.696.097.586	22.662.968.584

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.526.132.591	3.374.496.187
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:	22.792.385	80.300.000
Chi phí không được trừ	22.792.385	80.300.000
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.548.924.976	3.454.796.187
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	509.784.995	690.959.238

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.016.347.596	2.683.536.949
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành	-	(130.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.016.347.596	2.553.536.949
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	1.008	1.277

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ cho Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành. Nếu loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2023 như được trình bày tại Thuyết minh số 5.13. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại như sau:

	Năm 2022 (Trình bày lại) VND	Năm 2022 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.683.536.949	2.683.536.949	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	(130.000.000)	-	(130.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.553.536.949	2.683.536.949	(130.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	2.000.000	2.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.277	1.342	(65)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tên viết tắt
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	IDICO
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO - CTCP tại Miền Đông	Chi nhánh Công ty Mẹ	IDICO - IEB
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - MCI
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - UDICO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - LINCO
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - CONAC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCO 10
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - INCON
Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - URBIZ
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - SHP
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - IDI
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - ICC
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Quế Võ IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - QUE VO
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Cùng Công ty mẹ	IDICO - TCC
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Cùng Công ty mẹ	LAMA IDICO
Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ	IDICO - ITC
Các cá nhân Quản lý (Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này	Ảnh hưởng đáng kể	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập khác**

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Hoàng Tuấn Anh	Chủ tịch	73.334.222	47.000.000
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên Chủ tịch	-	20.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	36.000.000	33.000.000
Ông Hà Huy Thanh	Nguyên thành viên độc lập	15.333.000	21.000.000
Bà Thị Kim Thoa	Thành viên độc lập	29.555.222	-
Tổng		154.222.444	121.000.000

Thù lao Ban Kiểm soát và thu nhập khác

Bên liên quan	Chức danh	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Bà Vũ Thị Thùy Phương	Trưởng Ban kiểm soát	41.555.222	33.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thọ	Nguyên Thành viên	-	8.000.000
Ông Vũ Tuấn Anh	Thành viên	26.222.000	22.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Loan	Thành viên	26.222.000	14.000.000
Tổng		93.999.222	77.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc, người quản lý khác

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Giám đốc	686.935.000	675.030.000
Ông Đàm Văn Kiên	Phó Giám đốc	561.692.000	558.983.000
Ông Tạ Văn Lợi	Phó Giám đốc	586.935.000	587.338.000
Ông Phạm Lâm Sơn	Phó Giám đốc	559.296.000	548.966.000
Bà Nguyễn Thị Phương Dung	Phụ trách quản trị	338.679.000	338.448.000
Ông Lại Văn Hoàn	Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin	341.427.000	339.566.000
Tổng		3.074.964.000	3.048.331.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giao dịch bán			
IDICO	Cung cấp dịch vụ	11.912.306.264	14.585.147.078
IDICO - Tiền Giang	Cung cấp dịch vụ	6.380.759.758	9.272.266.204
IDICO - URBIZ	Cung cấp dịch vụ	-	1.556.082.397
IDICO - MCI	Cung cấp dịch vụ	3.158.016.252	3.218.992.663
IDICO - IDI	Cung cấp dịch vụ	45.454.545	-
IDICO - QUE VO	Cung cấp dịch vụ	1.386.104.543	537.805.814
		941.971.166	-
Giao dịch khác			
IDICO	Cổ tức phải trả	2.532.000.000	2.899.200.000
		2.112.000.000	1.812.000.000
	Cổ tức đã trả	420.000.000	1.087.200.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Số dư phải thu khách hàng		
IDICO - IDI	-	207.537.255
IDICO - QUE VO	66.569.364	162.285.400
IDICO	2.423.800.603	3.081.132.882
IDICO - URBIZ	199.444.800	-
IDICO - Tiền Giang	-	1.159.993.989
Tổng	2.689.814.767	4.610.949.526
Người mua trả tiền trước		
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
IDICO - QUE VO	-	158.449.000
IDICO	466.905.773	1.126.605.733
IDICO - URBIZ	515.521.000	80.921.000
Tổng	982.426.773	1.365.975.733
Trả trước cho người bán		
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
IDICO - LINCO	50.000.000	-
Tổng	50.000.000	-
Phải trả khác		
IDICO (Cổ tức)	3.504.000.000	1.812.000.000
Tổng	3.504.000.000	1.812.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ IDICO

Số 100 Nguyễn Gia Trí, phường 25,
quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Loan

Lại Văn Hoàn

Nguyễn Ngọc Khánh

